

Số: 430 /QĐ-CT

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 4 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

Trình T.Đ. Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc Hội;

P. T. K. T. m. h. h. Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019, các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi bổ sung Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 3041/QĐ-CT ngày 08/12/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ kiến nghị tại Biên bản thanh tra thuế ngày 30/3/2021 của Đoàn thanh tra Cục thuế tỉnh Thanh Hoá theo Quyết định số 2867/QĐ-CT ngày 24/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá về việc thanh tra tình hình chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Thanh tra kiểm tra số 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức vi phạm: Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Ba Đình, TX. Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Giấy đăng ký kinh doanh số 2800232620 do Sở KH&ĐT Thanh Hóa cấp ngày 01 tháng 5 năm 2006; đăng ký thay đổi lần 16 ngày 25/11/2020.

Mã số thuế: 2800232620;

Người đại diện pháp luật: Nguyễn hoàng Vân, chức vụ: Tổng giám đốc.



2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính: Kê khai sai làm giảm số thuế phải nộp; phí bảo vệ môi trường phải nộp và lập hóa đơn GTGT không đúng thời điểm.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Điểm a Khoản 1 Khoản 2 Điều 142 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế; điểm a khoản 3 Điều 38; khoản 2 Điều 2 Nghị định 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi bổ sung Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

4. Các tình tiết tăng nặng: Lập nhiều hóa đơn không đúng thời điểm quy định

5. Các tình tiết giảm nhẹ liên quan đến việc giải quyết vi phạm: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

a.1) Phạt khai thiếu thuế 20% các loại thuế trừ thuế TNCN (TM 4254): 428.114.876 đồng;

a.2) Phạt khai thiếu thuế 20% thuế TNCN(TM 4268): 24.366.860 đồng;

a.3) Phạt phí BVMT(TM 4254): 50.000.000 đồng;

a.4) Phạt hóa đơn viết sai thời điểm (TM 4254): 7.000.000 đồng;

a.5) Phạt kê khai sai các chỉ tiêu trên tờ khai QT TNCN (TM 4254): 1.400.000 đồng.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

c.1) Truy thu tiền thuế TNDN (TM 1052): 1.390.802.338 đồng;

c.2) Truy thu tiền thuế GTGT (TM 1701): 375.447.040 đồng;

c.3) Truy thu thuế TNCN (TM 1001): 121.834.300 đồng

c.4) Truy thu thuế tài nguyên (TM 1555): 374.325.000 đồng;

c.5) Truy thu Phí bảo vệ môi trường (TM 2625): 321.053.700 đồng;

c.6) Tiền chậm nộp thuế GTGT (TM 4931): 79.311.475 đồng;

c.7) Tiền chậm nộp thuế TNDN (TM 4918): 139.108.050 đồng;

c.8) Tiền chậm nộp thuế TNCN (TM 4917): 13.304.306 đồng;

c.9) Tiền chậm nộp thuế tài nguyên (TM 4927): 40.876.290 đồng;

c.10) Tiền chậm nộp phí BVMT (TM 4944): 35.059.064 đồng;

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 30/3/2021. Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn có trách nhiệm tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ sau ngày 30/3/2021 đến thời điểm thực nộp số tiền thuế truy thu và tiền phạt vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn để chấp hành Quyết định xử phạt.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử

phạt này. Số tiền quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số 7111 của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho Bạc NN tỉnh Thanh Hóa để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng KK; Phòng QLN để tổ chức thực hiện Quyết định này. / *lls*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TTKT1.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Hồ Xuân Hải

